

Bản án số: 38 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân

Ông Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2021/TLST- HNGĐ ngày 24-5-2020 về tranh chấp: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-7-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 38/2021/TBXX ngày 14-7-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo N, sinh năm 1972

ĐKKHKT: Tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại đội 11, phân trại số 3 trại giam Tân Lập – Bộ Công an.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bảo N đăng ký kết hôn ngày 05-3-2018 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Đến tháng 3-2018, anh N vi phạm phạm luật, bị Tòa án xét xử về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị xử phạt 16 năm 6 tháng tù. Hiện anh N đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập. Từ ngày anh N đi chấp hành án, hoàn cảnh của chị rất khó khăn,

cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị V xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo Tùng L, sinh ngày 13-9-2018, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Bảo N trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như Chị V trình bày là đúng. Anh N cũng xác nhận tháng 3-2018, anh bị công an tỉnh Yên Bái bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau đó bị Tòa án xét xử và xử phạt 16 năm 6 tháng tù. Hiện anh đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập, Bộ Công an. Trong thời gian anh chấp hành án tại trại giam thì Chị V vẫn thường xuyên đến thăm anh nên anh thấy vợ chồng vẫn có thể tiếp tục chung sống với nhau sau khi anh chấp hành án xong. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo Tùng Lâm, sinh ngày 13-9-2018, hiện đang sống cùng Chị V. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên anh đồng ý để Chị V nuôi dưỡng con chung. Anh N không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Bảo N

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Tùng L, sinh ngày 13-9-2018 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh N có nơi ĐKKHKT tại tổ 2, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Bảo N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị V và anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Bảo N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái ngày 05-3-2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3-2018 thì anh N vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập, Bộ Công an. Hiện Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu được giải quyết ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh N hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể duy trì cuộc sống hôn nhân và không có biện pháp hàn gắn, vun đắp cảm tình vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị V và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị V, cho Chị V được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị V và anh N có một con chung là Nguyễn Bảo Tùng L, sinh ngày 13-9-2018, Chị V có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng đồng ý để Chị V nuôi dưỡng cháu L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị về việc nuôi con của anh chị phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Cháu Nguyễn Bảo Tùng L còn nhỏ, đang được Chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N hiện đang phải chấp hành án phạt tù nên không thể có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con nên giao cháu Nguyễn Bảo Tùng L cho Chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Bảo N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo Tùng L, sinh ngày 13-9-2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Nguyễn Bảo N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0009041 ngày 24-05-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- UBND xã Mậu Đông
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

